

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 18

Chương 7: ĐỊNH UẨN

Phẩm 3: BÀN VỀ SỰ THẬU NHIẾP

*Thâu nhiếp thích hợp được tương ứng
Thành tựu-không đạt được-lùi-bỏ,
Diệt trừ nhanh-chậm dựa theo định,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Mười tướng là Tướng về vô thường, tướng về vô thường khổ, tướng về khổ vô ngã, tướng về chết, tướng về bất tịnh, tướng về chán ăn, tướng về tất cả gian là không đáng vui, tướng về đoạn, tướng về lìa, tướng về diệt.

Bốn tĩnh lực, bốn vô lượng, bốn vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Tướng về vô thường... thâu nhiếp bao nhiêu tĩnh lực...?

Đáp: Tướng về vô thường thâu nhiếp bốn tĩnh lực, bốn vô sắc, bốn giải thoát.

Như tướng về vô thường; tướng về vô thường khổ, tướng về khổ vô ngã, tướng về chết, tướng về đoạn, tướng về lìa, tướng về diệt cũng như vậy.

Tướng về bất tịnh thâu nhiếp giải thoát thứ nhất-thứ hai và tĩnh lực thứ ba-thứ tư. Như tướng về bất tịnh, tướng về chán ăn cũng như vậy.

Tướng về không thể vui của tất cả thế gian thâu nhiếp tĩnh lực thứ ba- thứ tư.

Hỏi: Tĩnh lực thứ nhất... thâu nhiếp bao nhiêu tĩnh lực...?

Đáp: Tĩnh lực thứ nhất thâu nhiếp tĩnh lực thứ nhất, bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất-thứ hai, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-

địa.

Tĩnh lực thứ hai thâm nhiếp tĩnh lực thứ hai, bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lực thứ ba thâm nhiếp tĩnh lực thứ ba, ba vô lượng, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lực thứ tư thâm nhiếp tĩnh lực thứ tư, ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Từ Vô lượng... thâm nhiếp bao nhiêu vô lượng...?

Đáp: Từ Vô lượng thâm nhiếp Từ-thế tục trí Từ, cho đến Xả thâm nhiếp Xả-thế tục trí.

Hỏi: Không vô biên xứ... thâm nhiếp bao nhiêu vô sắc...?

Đáp: Không vô biên xứ thâm nhiếp Không vô biên xứ và giải thoát của mình-biến xứ của mình, ba Tam-ma-địa.

Thức vô biên xứ thâm nhiếp Thức vô biên xứ và giải thoát của mình-viên xứ của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Vô sở hữu xứ thâm nhiếp Vô sở hữu xứ và giải thoát kia, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ thâm nhiếp Phi tưởng phi phi tưởng xứ và giải thoát của mình, diệt thọ tưởng giải thoát, thế tục trí giải thoát.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất... thâm nhiếp bao nhiêu giải thoát...?

Đáp: Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba thâm nhiếp thế tục trí của giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba.

Không vô biên xứ giải thoát thâm nhiếp Không vô biên xứ giải thoát và biến xứ của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Thức vô biên xứ giải thoát thâm nhiếp Thức vô biên xứ giải thoát và biến xứ của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Vô sở hữu xứ giải thoát thâm nhiếp Vô sở hữu xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát thâm nhiếp Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát và thế tục trí.

diệt thọ tưởng giải thoát thâm nhiếp giải thoát diệt thọ tưởng.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất thâm nhiếp bao nhiêu thắng xứ...?

Đáp: Thắng xứ thứ nhất thâm nhiếp thế tục trí của thắng xứ thứ nhất, cho đến thắng xứ thứ tám thâm nhiếp thế tục trí của thắng xứ thứ tám.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất thâm nhiếp bao nhiêu biến xứ...

Đáp: Biến xứ thứ nhất thâm nhiếp thế tục trí của biến xứ thứ nhất, cho đến biến xứ thứ mười thâm nhiếp thế tục trí của biến xứ thứ mười.

Hỏi: Pháp trí... thâm nhiếp bao nhiêu trí...

Đáp: Pháp trí thâm nhiếp pháp trí và phần ít của năm trí. Loại trí thâm nhiếp loại trí, phần ít của năm trí. Tha tâm trí thâm nhiếp tha tâm trí, phần ít của bốn trí. Thế tục trí thâm nhiếp thế tục trí và phần ít của một trí. Khổ trí thâm nhiếp khổ trí, phần ít của hai trí. Tập trí thâm nhiếp tập trí và phần ít của hai trí. Diệt trí thâm nhiếp diệt trí, phần ít của ba trí. Đạo trí thâm nhiếp đạo trí và phần ít của ba trí.

Hỏi: Tam-ma-địa không... thâm nhiếp bao nhiêu Tam-ma-địa?

Đáp: Không thâm nhiếp Không, Vô nguyện thâm nhiếp Vô nguyện, Vô tướng thâm nhiếp Vô tướng. Như thâm nhiếp có thể đạt được cũng như vậy.

Hỏi: Tưởng về vô thường... tương ứng với bao nhiêu tĩnh lự...?

Đáp: Tưởng về vô thường tương ứng với bốn tĩnh lự, bốn vô sắc, bốn giải thoát, bốn trí, một Tam-ma-địa.

Như tưởng về vô thường, tưởng về vô thường khổ, tưởng về khổ vô ngã, tưởng về chết, tưởng về đoạn, tưởng về lìa, tưởng về diệt cũng như vậy.

Tưởng về bất tịnh tương ứng với hai tĩnh lự sau, thế tục trí của hai giải thoát đầu. Như tưởng về bất tịnh, tưởng về chán ăn cũng như vậy.

Tưởng về tất cả thế gian không đáng vui tương ứng với thế tục trí của hai tĩnh lự sau.

Hỏi: Tĩnh lự thứ nhất... tương ứng với bao nhiêu tĩnh lự...?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất tương ứng với tĩnh lự thứ nhất, bốn vô lượng, hai giải thoát đầu, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lự thứ hai tương ứng với tĩnh lự thứ hai, bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất-thứ hai, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lự thứ ba tương ứng với tĩnh lự thứ ba, ba vô lượng, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lự thứ tư tương ứng với tĩnh lự thứ tư, ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Từ vô lượng... tương ứng với bao nhiêu vô lượng...?

Đáp: Từ tương ứng với từ và thế tục trí, cho đến Xả tương ứng với xả và thế tục trí.

Hỏi: Không vô biên xứ... tương ứng với bao nhiêu vô sắc...?

Đáp: Không vô biên xứ tương ứng với Không vô biên xứ và giải thoát của mình-biến xứ của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Thức vô biên xứ tương ứng với Thức vô biên xứ và giải thoát của mình-biến xứ của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Vô sở hữu xứ tương ứng với Vô sở hữu xứ và giải thoát của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ tương ứng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ và giải thoát của mình cùng thế tục trí.

Hỏi: Giải thoát... thứ nhất tương ứng với bao nhiêu giải thoát...?

Đáp: Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba tương ứng với thế tục trí của giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba.

Không vô biên xứ giải thoát tương ứng với không vô biên xứ giải thoát và biến xứ kia, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Thức vô biên xứ giải thoát tương ứng với thức vô biên xứ giải thoát và biến xứ của mình, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Vô sở hữu xứ giải thoát tương ứng với Vô sở hữu xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát tương ứng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát và thế tục trí.

Diệt thọ tưởng giải thoát không có pháp tương ứng.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất tương ứng với bao nhiêu thắng xứ?

Đáp: Thắng xứ thứ nhất tương ứng với thế tục trí của thắng xứ thứ nhất, cho đến thắng xứ thứ tám tương ứng với thế tục trí của thắng xứ thứ tám.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất tương ứng với bao nhiêu biến xứ?

Đáp: Biến xứ thứ nhất tương ứng với thế tục trí của biến xứ thứ nhất, cho đến biến xứ thứ mười tương ứng với thế tục trí của biến xứ thứ mười.

Hỏi: Pháp trí... tương ứng với bao nhiêu Tam-ma-địa?

Đáp: Pháp trí tương ứng với phần ít của ba Tam-ma-địa. Như pháp trí, loại trí cũng như vậy.

Tha tâm trí tương ứng với phần ít của một Tam-ma-địa. Như tha tâm trí, tập trí, diệt trí, đạo trí cũng như vậy. Khổ trí tương ứng với phần ít của hai Tam-ma-địa.

Hỏi: Nếu thành tựu tĩnh lực thứ nhất..., lúc ấy đối với bốn tĩnh lực có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Nếu thành tựu tĩnh lực thứ nhất, thì lúc ấy đối với bốn tĩnh lực, hoặc một-hai-ba-bốn. Một nghĩa là ái của cõi Phạm thế chưa hết. Hai, nghĩa là ái của cõi Phạm thế đã hết, ái cõi trên chưa hết. Ba nghĩa là ái của cõi Cực quang tịnh đã hết, ái cõi trên chưa hết. Bốn, nghĩa là ái của cõi Biến tịnh đã hết.

Đối với bốn vô lượng, hoặc không có, hoặc ba, hoặc bốn. Không

có nghĩa là sinh cõi Vô sắc. Ba nghĩa là sinh cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả. Bốn nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh nơi cõi Dục.

Đối với bốn vô sắc hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có nghĩa là ái sắc chưa hết. Một nghĩa là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hai nghĩa là ái Không vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Ba nghĩa là ái Thức vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Bốn nghĩa là ái của Vô sở hữu xứ đã hết.

Đối với tám giải thoát, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn-năm-sáu-bảy.

Không có nghĩa là sinh cõi Biến tịnh, ái của cõi Biến tịnh chưa hết.

Một nghĩa là sinh cõi Biến tịnh, ái của cõi Biến tịnh đã hết, ái cõi trên chưa hết; hoặc sinh cõi Quảng quả, ái cõi ấy chưa hết; hoặc sinh Không vô biên xứ, ái cõi kia chưa hết.

Hai nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục, ái của cõi Biến tịnh chưa hết; hoặc sinh cõi Biến tịnh-cõi Quảng quả ái cõi Quảng quả đã hết, ái cõi trên chưa hết, hoặc sinh Không vô biên xứ, ái cõi ấy đã hết, ái cõi trên chưa hết; hoặc sinh Thức vô biên xứ ái cõi ấy chưa hết.

Ba nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục, ái cõi Biến tịnh đã hết, ái cõi trên chưa hết; hoặc sinh cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả, thì ái của Không vô biên xứ hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Thức vô biên xứ, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Vô sở hữu xứ, ái xứ ấy chưa hết.

Bốn nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục ái của cõi Quảng quả đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả, thì ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Không-Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, ái của Vô sở hữu xứ đã hết. Hoặc sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không đạt được định diệt tận.

Năm nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục, ái của Không vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả thì ái của Vô sở hữu xứ hết, không đạt được định diệt tận. Hoặc sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ đạt được định diệt tận.

Sáu nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả đạt được định diệt tận. Tám nghĩa là sinh cõi Dục-cõi Phạm thế-cõi cực quang tịnh, đạt được định diệt tận.

Bảy nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh của cõi Dục thì ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không được định diệt tận.

Đối với tám thắng xứ hoặc không có, hoặc bốn, hoặc tám. Không có nghĩa là sinh cõi Biến tịnh, tức ái cõi ấy chưa hết, hoặc sinh cõi vô Sắc. Bốn nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục, ái của cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh ở Biến tịnh tức ái của cõi ấy đã hết; hoặc sinh cõi Quảng quả. Tám nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh và cõi Dục, ái của cõi Biến tịnh đã hết.

Đối với mười biến xứ, hoặc không có, hoặc một-hai-tám-chín-mười. Không có nghĩa là sinh cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, cõi Biến tịnh và cõi Dục, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết; hoặc sinh ở Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ. Một nghĩa là sinh Không vô biên xứ, ái cõi đó chưa hết, hoặc sinh Thức vô biên xứ. Hai nghĩa là sinh Không vô biên xứ, ái cõi đó đã hết. Tám, nghĩa là sinh cõi Dục cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, cõi Biến tịnh, ái cõi Biến tịnh đã hết, ái cõi trên chưa hết, hoặc sinh cõi Quảng quả, tức ái cõi đó chưa hết. Chín, nghĩa là sinh cõi Dục-Sắc, thì ái của cõi Dục-Sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết. Mười, nghĩa là sinh cõi Dục-Sắc, thì ái của Không vô biên xứ đã hết.

Đối với tám trí, hoặc hai-bốn-năm-sáu-bảy, tám. Hai nghĩa là phạm phu ở phần vị khổ pháp nhãn. Bốn, nghĩa là phần vị khổ pháp trí-khổ loại nhãn. Năm, nghĩa là phần vị khổ loại trí-tập pháp nhãn. Sáu, nghĩa là phần vị tập pháp trí cho đến diệt pháp nhãn. Bảy nghĩa là phần vị diệt pháp trí cho đến đạo pháp nhãn. Tám, nghĩa là đạo pháp trí.

Những phần vị trên đây, đối với ba Tam-ma-địa, hoặc không có, hoặc hai, hoặc ba. Không có nghĩa là các phạm phu. Hai nghĩa là các Thánh giả chưa sinh ra diệt pháp nhãn. Ba nghĩa là diệt pháp nhãn đã sinh. Như thành tựu tĩnh lực thứ nhất, cho đến thành tựu tĩnh lực thứ tư, tùy theo sự thích ứng cũng như vậy.

Bảy bổ đặc già la, đó là tùy tín hành, tùy pháp hành, tín thắng giải, kiến chí, thân chứng, tuệ giải thoát và câu giải thoát.

Hỏi: Tùy tín hành..., đối với vị tương ưng... bốn tĩnh lực-bốn vô sắc, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành, đối với vị tương ưng của bốn tĩnh lực, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có, nghĩa là ái sắc đã hết. Một, nghĩa là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái cõi trên chưa hết, cho đến bốn, nghĩa là ái cõi Phạm thế chưa hết.

Đối với tịnh của bốn tĩnh lực, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có nghĩa là ái dục chưa hết. Một nghĩa là ái dục đã hết, ái cõi

trên chưa hết, cho đến bốn nghĩa là ái cội Biến tịnh đã hết.

Đối với vô lậu của bốn tĩnh lực hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có nghĩa là dựa vào vị chí định, nhập chánh tánh ly sinh. Một, nghĩa là dựa vào tĩnh lực thứ nhất hoặc trung gian tĩnh lực, nhập chánh tánh ly sinh, cho đến bốn nghĩa là dựa vào tĩnh lực thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh.

Đối với vị tương ứng của bốn vô sắc, hoặc một-hai-ba-bốn. Một, nghĩa là ái Vô sở hữu xứ đã hết, ái cội trên chưa hết, cho đến bốn, nghĩa là ái của Không vô biên xứ chưa hết.

Đối với tịnh của bốn vô sắc, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có, nghĩa là ái sắc chưa hết. Một, nghĩa là ái sắc đã hết, ái cội trên chưa hết, cho đến bốn nghĩa là ái Vô sở hữu xứ đã hết.

Đối với vô lậu của ba vô sắc đều không thành tựu.

Như tùy tín hành, tùy pháp hành cũng như vậy.

Tín thắng giải, đối với vị tương ứng của bốn tĩnh lực, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có, nghĩa là ái sắc đã hết. Một, nghĩa là ái cội Biến tịnh đã hết, ái cội trên chưa hết; cho đến bốn, nghĩa là ái của cội Phạm thế chưa hết.

Đối với tịnh của bốn tĩnh lực, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có nghĩa là ái dục chưa hết, hoặc sinh cội Vô sắc. Một, nghĩa là sinh cội Dục, ái dục đã hết, ái cội trên chưa hết. Hoặc sinh cội Phạm thế, ái cội đó chưa hết. Hoặc sinh cội Cực quang tịnh, ái của cội ấy chưa hết. Hoặc sinh cội Biến tịnh tức ái cội đó chưa hết, hoặc sinh cội Quảng quả. Hai, nghĩa là sinh cội Phạm thế, ái của cội Phạm thế đã hết, ái của cội trên chưa hết. Hoặc sinh cội Cực quang tịnh tức ái của cội ấy đã hết, ái cội trên chưa hết. Hoặc sinh cội Biến tịnh, tức ái cội đó đã hết. Ba, nghĩa là ái của cội Phạm thế, cội Cực quang tịnh đã hết, ái của cội trên chưa hết. Hoặc sinh cội Cực quang tịnh, ái của cội Biến tịnh hết. Bốn nghĩa là sinh cội Phạm thế và cội Dục, ái cội Biến tịnh đã hết.

Đối với vô lậu của bốn tĩnh lực, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có nghĩa là ái của cội Dục chưa hết. Một, nghĩa là ái của cội Dục đã hết, ái của cội trên chưa hết, cho đến bốn, nghĩa là ái của cội Biến tịnh đã hết.

Đối với vị tương ứng của bốn vô sắc hoặc một-hai-ba-bốn. Một, nghĩa là ái của Vô sở hữu xứ đã hết, ái cội trên chưa hết, cho đến bốn, nghĩa là ái không vô biên xứ chưa hết.

Đối với tịnh của bốn vô sắc, hoặc không có, hoặc một, hai, ba bốn. Không có, nghĩa là sinh cội Dục-Sắc, ái của cội Sắc chưa hết. Một

nghĩa là sinh cõi Dục-Sắc, ái của cõi Sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Không vô biên xứ, tức ái cõi đó chưa hết. Hoặc sinh Thức vô biên xứ, ái cõi đó chưa hết. Hoặc sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ái cõi đó chưa hết. Hai, nghĩa là sinh Không vô biên xứ và cõi Dục-Sắc, ái Không vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Thức vô biên xứ, ái cõi đó đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Vô sở hữu xứ, ái cõi đó đã hết. Ba, nghĩa là sinh Không vô biên xứ cõi Dục-Sắc, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái cõi trên chưa hết. Hoặc sinh Thức vô biên xứ, ái của Vô sở hữu xứ đã hết. Bốn, nghĩa là sinh Không vô biên xứ và cõi Dục-Sắc, ái của Vô sở hữu xứ đã hết.

Đối với vô lậu của ba vô sắc, hoặc không có, hoặc một, hai, ba. Không có nghĩa là ái sắc chưa hết. Một nghĩa là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết; cho đến ba nghĩa là ái của Thức vô biên xứ đã hết.

Như tín thắng giải, kiến chí cũng như vậy.

Thân chứng đối với vị tương ứng của bốn tính lự đều không thành tựu.

Đối với bốn tính lự, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có, nghĩa là sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Một, nghĩa là sinh cõi Quảng quả; cho đến bốn, nghĩa là sinh cõi Phạm thể thuộc cõi Dục.

Đối với vô lậu của bốn tính lự đều thành tựu. Đối với vị tương ứng của bốn vô sắc của, thành tựu một, không thành tựu ba.

Đối với tịnh của bốn vô sắc, hoặc một, hoặc bốn. Một, nghĩa là sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bốn, nghĩa là sinh cõi Dục-Sắc.

Đối với vô lậu của ba vô sắc đều thành tựu.

Tuệ giải thoát đối với vị tương ứng của bốn tính lự đều không thành tựu.

Đối với tịnh của bốn tính lự, hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có, nghĩa là sinh cõi Vô sắc. Một, nghĩa là sinh cõi Quảng quả; cho đến bốn nghĩa là sinh cõi Phạm thể và cõi Dục.

Đối với vô lậu của bốn tính lự đều thành tựu.

Đối với vị tương ứng của bốn vô sắc đều không thành tựu.

Đối với bốn vô sắc, hoặc một-hai-ba-bốn. Một, nghĩa là sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ; cho đến bốn nghĩa là sinh Không vô biên xứ và cõi Dục-Sắc.

Đối với vô lậu của ba vô sắc đều thành tựu.

Câu giải thoát đối với vị tương ứng của bốn tính lự đều không thành tựu.

Đối với tịnh của bốn tĩnh lự hoặc không có, hoặc một-hai-ba-bốn. Không có, nghĩa là sinh ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Một, nghĩa là sinh cõi Quảng quả; cho đến bốn, nghĩa là sinh cõi Phạm thế và cõi Dục.

Đối với vô lậu của bốn tĩnh lự đều thành tựu.

Đối với vị tương ứng của bốn vô sắc đều không thành tựu.

Đối với tịnh của bốn vô sắc hoặc một, hoặc bốn Một nghĩa là sinh ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Bốn, nghĩa là sinh cõi Dục-Sắc. Đối với vô lậu của ba vô sắc đều thành tựu.

Hỏi: Có thể có thành tựu vị tương ứng của bốn tĩnh lự, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là ái dục chưa hết.

Hỏi: Có thể có thành tựu tịnh của bốn tĩnh lự mà không phải là vị tương ứng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là phạm phu sinh cõi Phạm thế và cõi Dục, ái sắc đã hết.

Hỏi: Có thể có thành tựu vô lậu của bốn tĩnh lự mà không phải là vị tương ứng, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Có, nghĩa là Thánh giả sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể có thành tựu tịnh-vô lậu của bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là Thánh giả sinh cõi Phạm thế cõi Dục, ái sắc đã hết.

Hỏi: Có thể có thành tựu hai hoặc ba pháp khác chăng?

Đáp: Không có

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu vị tương ứng mà không phải tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là Thánh giả sinh vào cõi Phạm thế nơi cõi Dục, ái sắc đã hết.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu tịnh mà không phải là vị tương ứng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu vị tương ứng-tịnh mà không phải là vị tương ứng, không phải tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu vị tương ứng-tịnh mà không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là Thánh giả sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu vị tương ứng-vô lậu mà

không phải là tịnh chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là phạm phu sinh cõi Phạm thế của cõi Dục, ái sắc đã hết.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu tịnh-vô lậu mà không phải là vị tương ứng chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là ái dục chưa hết.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lự không thành tựu vị tương ứng-tịnh-vô lậu chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là phạm phu sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể có thành tựu vị tương ứng của bốn vô sắc mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là ái sắc chưa hết.

Hỏi: Có thể có thành tựu tịnh-vô lậu của bốn vô sắc mà không phải là vị tương ứng chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là A-la-hán sinh Không vô biên xứ và cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có thể có thành tựu pháp khác chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc không thành tựu vị tương ứng mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là A-la-hán sinh ở Không vô biên xứ và cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc không thành tịnh-vô lậu mà không phải là vị tương ứng chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là ái sắc chưa hết.

Hỏi: Có thể có pháp khác không thành tựu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có đạt được vị tương ứng của bốn tĩnh lự mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là ái sắc đã hết, lúc đấy khởi triền của cõi Dục mà lui sụt, hoặc khi mất ở cõi Vô sắc sinh cõi Dục.

Hỏi: Có thể có đạt được tịnh của bốn tĩnh lự mà không phải là vị tương ứng, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có đạt được vô lậu của bốn tĩnh lự mà không phải là vị tương ứng, không phải là tịnh chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là dựa vào tĩnh lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, hoặc khi đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Có thể có đạt được pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩn lự xả vị tương ưng mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có bốn tĩn lự xả tịnh mà không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là ái nơi cõi Biến tịnh của phàm phu đã hết, khi dấy khởi triền của cõi Dục, mà lui sụt, hoặc khi mất ở cõi Phạm thế và cõi Dục, sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bốn tĩn lự xả tịnh-vô lậu mà không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là Thánh giả không còn ái cõi Biến tịnh, lúc triền của cõi Dục dấy khởi mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc đạt được vị tương ưng mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi A-la-hán khởi dấy khởi triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có ba vô sắc đạt được vô lậu mà không phải là vị tương ưng, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Có thể có đạt được quả khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc xả vị tương ưng mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc xả tịnh mà không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là phàm phu đã không còn ái Vô sở hữu xứ, lúc dấy khởi triền của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc xả vô lậu mà không phải là vị tương ưng, không phải tịnh chăng?

Đáp: Có, nghĩa là tín thắng giải lúc duyên căn đã hết ái của Thức vô biên xứ.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc xả tịnh-vô lậu mà không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có, đó là Thánh giả không còn ái của Vô sở hữu xứ lúc dấy khởi triển của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có xả pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực lui sụt vị tương ứng mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực lui sụt tịnh mà không phải là vị tương ứng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là phạm phu đã không còn ái cõi Biến tịnh, lúc dấy khởi triển của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực lui sụt tịnh-vô lậu mà không phải là vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi Thánh giả đã không còn ái của cõi Biến tịnh, dấy khởi triển của cõi Dục mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt pháp khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc lui sụt vị tương ứng mà không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc lui sụt tịnh mà không phải là vị tương ứng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi phạm phu đã không còn ái của Vô sở hữu xứ, dấy khởi triển của cõi Dục-Sắc mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc lui sụt tịnh-vô lậu mà không phải là vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi Thánh giả đã không còn ái của Vô sở hữu xứ, triển của cõi Dục-Sắc dấy khởi mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có lui sụt pháp khác không?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực nhanh chóng đạt được vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi ái sắc hết, triển của cõi Dục và Phạm thế dấy khởi mà lui sụt, hoặc khi mất ở cõi Vô sắc, sinh cõi Phạm thế và cõi Dục.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực nhanh chóng xả vị tương ứng chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực dần dần đạt được vị tương ứng chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực dần dần xả vị tương ứng chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực nhanh chóng đạt được tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực nhanh chóng xả tịnh chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi ái cõi Biến tịnh đã hết, triển cõi Dục dấy khởi mà lui sụt, hoặc lúc mất ở cõi Phạm thế và cõi Dục, sinh cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực dần dần đạt được tịnh chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực dần dần xả tịnh chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực nhanh chóng đạt được vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là dựa vào tĩnh lực thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, hoặc đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực nhanh chóng xả vô lậu chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi Thánh giả đã hết ái của cõi Biến tịnh, triển cõi Dục dấy khởi mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực dần dần đạt được vô lậu chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn tĩnh lực dần dần xả vô lậu chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc nhanh chóng đạt được vị tương ứng chăng?

Đáp: Có, nghĩa là khi A-la-hán dấy khởi triển của cõi Dục-Sắc và không vô biên xứ mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc nhanh chóng xả vị tương ứng chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc dần dần đạt được vị tương ứng chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc dần dần xả vị tương ứng chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc nhanh chóng đạt được tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc nhanh chóng xả tịnh chăng?

Đáp: Có, nghĩa là ái của Vô sở hữu xứ đã hết, lúc triển cõi Dục-Sắc dấy khởi mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có bốn vô sắc dần dần đạt được tịnh chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có bốn sắc dần dần xả tịnh chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có ba vô sắc nhanh chóng đạt được vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc được quả A-la-hán.

Hỏi: Có thể có ba vô sắc nhanh chóng xả vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là lúc Thánh giả không còn ái của Thức vô biên xứ, triền của cõi Dục-Sắc dấy khởi mà lui sụt.

Hỏi: Có thể có ba vô sắc dần dần đạt được vô lậu chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Có thể có ba vô sắc dần dần xả vô lậu chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Thân-ngũ biểu và vô biểu dựa vào định nào diệt?

Đáp: Thân-ngũ biểu dựa vào sơ định, hoặc vị chí định; thân-ngũ vô biểu dựa vào bốn định, hoặc vị chí định.

Hỏi: Ba ác hành, ba diệu hành, ba căn bất thiện, ba căn thiện, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào vị chí định.

Hỏi: Bốn phi Thánh ngữ, bốn Thánh ngữ, bốn sinh, bốn loại nhập thai, bốn thức trụ, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Bốn phi Thánh ngữ, bốn Thánh ngữ, thai-noãn-thấp sinh, bốn loại nhập thai, dựa vào vị chí định; hóa sinh và ba thức trụ sau, dựa vào bảy định hoặc vị chí định; sắc thức trụ, dựa vào bốn định hoặc vị chí định.

Hỏi: Năm uẩn, năm thủ uẩn, năm thứ, năm diệu dục, năm học xứ, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Sắc uẩn-sắc thủ uẩn, dựa vào bốn định hoặc vị chí định; bốn uẩn-bốn thủ uẩn còn lại và cõi trời, dựa vào bảy định hoặc vị chí định; bốn cõi, còn lại, năm diệu dục và năm học xứ, dựa vào vị chí định.

Hỏi: Sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Năm nội xứ, sắc-thanh-xúc ngoại xứ, dựa vào bốn định hoặc vị chí định; ý nội xứ-pháp ngoại xứ-thân ý thức, và xúc-thọ-tưởng-tư-ái thân tương ứng với chúng, dựa vào bảy định hoặc vị chí định; hương vị ngoại xứ, tử-thiệt-thức thân, và xúc-thọ-tưởng-tư-ái thân tương ứng với chúng, dựa vào vị chí định; nhãn-nhĩ-thân-thức, và xúc-thọ-tưởng-tư-ái thân tương ứng với chúng, dựa vào sơ định hoặc vị chí định.

Hỏi: Bảy thức trụ, tám thế pháp, chín hữu tình cư, mười nghiệp đạo, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Thức trụ thứ nhất, tám thế pháp, hữu tình cư thứ nhất, mười nghiệp đạo, dựa vào vị chí định; thức trụ thứ hai, hữu tình cư thứ hai, dựa vào sơ định hoặc vị chí định; thức trụ thứ ba, hữu tình cư thứ ba, dựa vào hai định hoặc vị chí định; thức trụ thứ tư, hữu tình cư thứ tư, dựa vào ba định hoặc vị chí định; hữu tình cư thứ năm, dựa vào bốn định hoặc vị chí định; thức trụ thứ năm, hữu tình cư thứ sáu, dựa vào năm định hoặc vị chí định; thức trụ thứ sáu, hữu tình cư thứ bảy, dựa vào sáu định hoặc vị chí định; thức trụ thứ bảy, hữu tình cư thứ tám-thứ chín, dựa vào bảy định vị chí định.

Hỏi: Bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào sơ định hoặc vị chí định; tĩnh lự thứ hai, Hỷ vô lượng, hai giải thoát đầu, bốn thắng xứ trước, dựa vào hai định hoặc vị chí định; tĩnh lự thứ ba, dựa vào ba định hoặc vị chí định; tĩnh lự thứ tư, ba vô lượng còn lại, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, dựa vào bốn định hoặc vị chí định; không vô biên xứ, và giải thoát-biến xứ của cõi ấy. Dựa vào năm định hoặc vị chí định; Thứv vô biên xứ, và giải thoát-biến xứ của cõi ấy, dựa vào sáu định hoặc vị chí định; hai vô sắc sau, ba giải thoát sau, dựa vào bảy định hoặc vị chí định.

Hỏi: Tha tâm trí và thế tục trí, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Tha tâm trí, dựa vào bốn định hoặc vị chí định; thế tục trí, dựa vào bảy định hoặc vị chí định.

Phẩm 4: BÀN VỀ BÁT HOÀN

*Bát hoàn-học cùng với vô học,
Thuận-nghịch-trụ hai chốn cuối cùng,
Bồ tát-thọ ký và nguyện trí,
Vô tránh có bốn cặp khác nhau,
Trụ-đoạn pháp cùng với điều phục,
Tùy pháp pháp hành và trụ-diệt,
Pháp luân-chánh pháp và đời kiếp,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Có năm Bát hoàn: Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hữu hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng sắc cứu cánh.

Hỏi: Tất cả thâm nhiếp năm hay là năm thâm nhiếp tất cả?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp năm, không phải năm thâm nhiếp tất cả.

Hỏi: Không thâm nhiếp những gì?

Đáp: Đó là Hiện pháp bát Niết-bàn và vãng vô sắc Bát hoàn.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn và Sinh bát Niết-bàn, thì Niết bàn nào là thù thắng?

Đáp: Nếu trụ đẳng đoạn, thì Trung bát Niết-bàn là thù thắng hơn. Nếu Sinh bát Niết-bàn đoạn kiệt nhiều, thì Niết-bàn đó là thù thắng hơn.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh, Niết-bàn nào là thù thắng hơn?

Đáp: Nếu trụ đẳng đoạn thì Trung bát Niết-bàn là thù thắng hơn; hoặc cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh đoạn kiệt nhiều, thì Niết-bàn đó là thù thắng hơn.

Hỏi: Như vậy Sinh bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh, Hữu hành bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh, Vô hành bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh, Niết-bàn nào là thù thắng hơn?

Đáp: Nếu trụ đẳng đoạn thì Sinh bát Niết-bàn là thù thắng hơn. Nếu Hữu hành bát Niết-bàn..., đoạn kiệt nhiều thì Niết-bàn đó thù thắng hơn.

Hỏi: Những sự học, tất cả học ấy là vì đạt được điều chưa được mà học chăng?

Nếu như vì đạt được điều chưa đạt mà học, thì tất cả đó là học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có học không phải là vì đạt được điều chưa đạt được mà học, đó là học trụ trong tánh vốn có.

2. Có học là vì đạt được điều chưa được mà học nhưng đó không phải là học, đó là A-la-hán và phàm phu cầu tiến lên pháp cao hơn.

3. Có học cũng là vì đạt được điều chưa được mà học, đó học cầu tiến lên pháp cao hơn.

4. Có học không phải là học cũng không phải là vì đạt được điều chưa được mà học, đó là A-la-hán và phàm phu trụ trong tánh vốn có.

Hỏi: Những vô học, tất cả vô học ấy không vì đạt được điều chưa được mà học chẳng? Nếu như không vì đạt được điều chưa được mà học, thì tất cả đó là vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có vô học mà không phải là không vì đạt được điều chưa được mà học, đó là A-la-hán cầu tiến lên pháp cao hơn.

2. Có vô học không phải vì đạt được điều chưa được mà học nhưng không phải là vô học, đó là học và phàm phu trụ trong tánh vốn có.

3. Có vô học cũng không phải vì đạt được điều chưa được mà học, đó là A-la-hán trụ trong tánh vốn có.

4. Có vô học không phải là vô học cũng không phải là không vì đạt được điều chưa được mà học, đó là học và phàm phu cầu tiến lên pháp cao hơn.

Hỏi: Thuận lưu là nghĩa gì?

Đáp: Đối với các loại sinh-các thú-các hữu-các chủng loại-các sinh tử, làm thành chi-làm nên-làm sự-làm đạo-làm dấu tích hưởng về, đó là nghĩa của thuận lưu.

Hỏi: Nghịch lưu là nghĩa gì?

Đáp: Đối với loại sinh diệt-thú diệt-hữu diệt-chủng loại diệt-sinh tử diệt làm thành chi-làm môn-làm sự-làm đạo-làm dấu tích hưởng về, đó là nghĩa của nghịch lưu.

Hỏi: Tự trụ là nghĩa gì?

Đáp: Không phải là đối với các loại sinh cho đến các sinh tử làm thành chi cho đến làm thành dấu tích hưởng về, cũng không phải là đối với các sinh diệt cho đến sinh tử diệt làm thành chi cho đến làm thành dấu tích hưởng về, đó là nghĩa của tự trụ.

Hỏi: Các A-la-hán, tất cả A-la-hán ấy là tự trụ chẳng? Nếu tự trụ thì tất cả tự trụ ấy là A-la-hán chẳng?

Đáp: Các A-la-hán, tất cả A-la-hán kia đều tự trụ. Có tự trụ nơi

không phải A-la-hán, nghĩa là Bất hoàn, như Đức Thế Tôn nói:

*Vĩnh viễn đoạn trừ năm phiền não,
Học đầy đủ không có pháp dẫn,
Đạt được định căn luân tự tại,
Người như vậy gọi là tự trụ.*

Hỏi: Những chịu đựng cuối cùng đạt được, tất cả đó là dấu tích đạt được cuối cùng chăng? Nếu dấu tích đạt được cuối cùng, thì tất cả đó là chịu đựng cuối cùng đạt được chăng?

Đáp: Những chịu đựng cuối cùng đạt được, tất cả đó là dấu tích đạt được cuối cùng. Có dấu tích đạt được cuối cùng nhưng không phải là sự chịu đựng cuối cùng đạt được, đó là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: Thế nào là dấu tích đạt được cuối cùng của Bí-sô? Đó là đối với năm kiết thuận phần dưới, vĩnh viễn đoạn trừ và biết khắp tất cả.

Hỏi: Đầy đủ gì thì gọi là Bồ tát?

Đáp: Đầy đủ năng lực tạo tác tướng tăng trưởng của nghiệp dị thực.

Hỏi: Đạt được gì thì gọi là Bồ tát?

Đáp: Đạt được tướng của nghiệp dị thực. Như nói: “Từ Thị! Ông ở đời vị lai, sẽ được làm Phật danh hiệu là Từ Thị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.”

Hỏi: Đây là trí nào?

Đáp: Nhân trí-đạo trí.

Hỏi: Trí này chuyển thế nào?

Đáp: Có lúc chuyển đổi với tướng của nghiệp dị thực, vì vậy gọi là nhân trí.

Có lúc chuyển đổi với căn-lực vô lậu-giác chi-đạo chi, đạt được đạo quả này ngay nơi pháp hiệp tại, phân rõ được Thánh chỉ.”

Hỏi: Đây là trí nào?

Đáp: Đạo trí.

Hỏi: Trí này chuyển thế nào?

Đáp: Trí này chuyển đổi với căn-lực vô lậu-giác chi-đạo chi, đạt được các lậu vĩnh viễn không còn, vì vậy gọi là đạo trí.

Đáp: Như A-la-hán thành tựu thần thông, được tâm tự tại, tùy thuận nghĩa muốn biết, phát chánh nguyện xong, liền tiến vào cảnh giới của tinh lực thứ tư.

Hỏi: Từ định khởi xong, như nguyện đều biết trí nguyện, nên nói là thiện hay vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Thế nào là hạnh vô tránh?

Đáp: Khi tất cả A-la-hán khéo thông suốt bên trong, bên ngoài không như vậy, hoặc là lúc cũng khéo thông suốt bên ngoài thì gọi là hạnh vô tránh.

Hỏi: Vô tránh gọi cho pháp nào?

Đáp: Khiến cho sự nối tiếp nhau của người khác chuyển biến không có nhớ bản xen tạp. Như nói: Trong các đệ tử của Ta, Nhân Nhơ Đồng là thông tuệ bậc nhất, Bà-hệ-ca... là mẫn tiệp bậc nhất.

Hỏi: Hai người này khác nhau thế nào?

Đáp: Tôn giả Nhân Nhu Đồng với tâm ngay thẳng, tâm không có cong vạy, tâm trong sáng thuần phác tăng thượng. Tôn giả Bà-hệ-ca với tâm bình đẳng, tâm thắm nhuần, tâm mềm mỏng, hòa thuận tăng thượng. Như nói: “Trong đệ tử của Ta, Tiểu Lộ thuộc về tâm hồi thiện, Đại Lộ thuộc về tâm hồi thiện”.

Hỏi: Hai người này khác nhau thế nào?

Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ phần nhiều trụ vào tâm thuận theo tâm quán niệm trụ, Tôn giả Đại Lộ thì phần nhiều trụ vào pháp thuận theo pháp quán niệm trụ. Như nói: “Trong đệ tử của Ta, Xá-lợi-tử đủ tuệ biện lớn, còn Chấp Đại Tạng được vô ngại giải”.

Hỏi: Hai người này khác nhau thế nào?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử phần nhiều trụ vào nghĩa vô ngại giải, Tôn giả Chấp Đại Tạng thì phần nhiều trụ vào bốn vô ngại giải. Như nói: “Trong đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp-ba thiếu dục tri túc đầy đủ hạnh đầu đà, Bạc-củ-la thì ít bệnh tiết kiệm có đủ giới hạnh thanh tịnh”.

Hỏi: Hai vị này khác nhau ra sao?

Đáp: Đại Ca-diếp-ba có được các thức uống ăn hoặc dở hoặc ngon đều ăn theo thứ lớp, không hề có sự lựa chọn. Tôn giả Bạc-củ-la, hề được thức uống ăn hoặc dở hoặc ngon đều lựa bỏ thức ngon mà ăn cái dở. Lại nữa, Tôn giả Đại Ca-diếp-ba nhận thức sâu rộng-phước lớn, để có được y phục-thức uống ăn-dụng cụ giường nằm, thuốc thang và vật dụng cần thiết khác, trước kia không tiếp nhận công đức của hạnh đầu đà mà vẫn có khả năng phụng hành. Tôn giả Bạc-củ-la thì không phải kiến văn sâu rộng-phước lớn, khó có được y phục-thức uống ăn- tọa cụ-giường nằm-thuốc thang và dụng cụ cần thiết khác, trước kia đã tiếp nhận công đức của hạnh đầu đà, cũng có khả năng vâng giữ thực hành.

Bí-sô ít kiến thức, thọ nhận công đức của hạnh đầu đà, ở trong ấy tùy thuận chuyển biến, điều này không lấy làm khó.

Như nói: “Đại Danh học, phần nhiều ở năm cái mà đoạn trừ dần”.

Hỏi: Trong này thế nào là học?

Đáp: Dự lưu, hoặc Nhất lai.

Hỏi: Thế nào là học phần nhiều ở năm cái mà đoạn trừ dần?

Đáp: Đoạn trừ dần, lìa dần, điều phục dần, rời bỏ dần.

Như nói: “Vì Bí-sô xả bỏ pháp cho nên xả bỏ Tỳ-nại-da, vì xả bỏ Tỳ-nại-da cho nên xả bỏ pháp.”

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Tám chi thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-nại-da?

Đáp: Tham-giận-si diệt.

Hỏi: Thế nào là vì xả bỏ pháp cho nên xả bỏ Tỳ-nại-da, vì xả bỏ Tỳ-nại-da cho nên xả bỏ pháp?

Đáp: Nếu đối với tám chi Thánh đạo, lúc không tu tập thì lúc ấy đối với tham-sân-si trừ diệt, không có năng lực tác chứng. Nếu đối với tham-sân-si trừ diệt, lúc không thể tác chứng, thì lúc ấy đối với tám chi Thánh đạo, không có năng lực tu tập. Vì nhân duyên này cho nên nói lời như vậy.

Như nói: “Tùy pháp pháp hành”.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Niết-bàn vắng lặng.

Hỏi: Thế nào là tùy pháp?

Đáp: Tám chi thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là tùy pháp pháp hành?

Đáp: Nếu ở trong pháp này, tùy thuận nghĩa mà thực hành. Hơn nữa, biệt giải thoát gọi là pháp biệt giải thoát, luật nghi gọi là tùy pháp. Nếu ở trong pháp ấy, tùy thuận nghĩa mà tu hành, thì gọi là tùy pháp pháp hành. Lại nữa, thân luật nghi-ngũ luật nghi-mạng thanh tịnh, gọi là pháp thọ, đây gọi là tùy pháp. Nếu ở trong pháp này, tùy thuận nghĩa mà tu hành, thì gọi là tùy pháp pháp hành.

Hỏi: Thế nào là pháp luân?

Đáp: Tám chi thánh đạo.

Hỏi: Dựa vào gì nên nói là chuyển pháp luân?

Đáp: Như lúc ấy Tôn giả A-nhã-đa Kiều-trần-na kiến pháp.

Hỏi: Thế nào là chánh pháp?

Đáp: Căn-lực vô lậu-giác chi-chi đạo.

Hỏi: Đây đủ thế nào nên nói là chánh pháp trụ? Đáp: Nếu vào lúc

người thực hành giáo pháp trụ. Hỏi: Đây đủ thế nào nên nói là

chánh pháp diệt? Đáp: Nếu vào lúc người thực hành giáo pháp diệt.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu tĩn lự thứ nhất, do đạt được định này, cho nên đã đạt được các tâm-tâm sở pháp vô lậu khác, tâm ấy thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập cho đến nhập vô lậu Vô sở hữu xứ, do đạt được vô lậu này cho nên đã đạt được các tâm-tâm sở pháp vô lậu khác, tâm ấy thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Các sự sinh thuộc về đời nào? Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Các pháp diệt thuộc về đời nào? Đáp: Thuộc về đời hiện tại.

